

Số: 31 /NQ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 29 tháng 11 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Nha Trang đến năm 2030,
tầm nhìn đến năm 2045 (cập nhật năm 2024)**

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16 tháng 8 năm 1966 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018; Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 4790/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Nha Trang nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 340/NQ-ĐHNT ngày 24 tháng 03 năm 2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang; Nghị quyết số 17/NQ-ĐHNT ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng trường về Phiên họp thứ XV của Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025;

Xét đề nghị của Hiệu trưởng tại Tờ trình số 815/TTr-ĐHNT ngày 05 tháng 09 năm 2024 về việc cho ý kiến, thông qua Chiến lược phát triển Trường Đại học Nha Trang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (cập nhật năm 2024).

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chiến lược phát triển Trường Đại học Nha Trang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (cập nhật năm 2024).

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Nghị quyết số 1038/NQ-ĐHNT ngày 06/10/2021 của Hội đồng trường về ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Nha Trang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 3. Hội đồng trường; Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng; các trường đơn vị thuộc và trực thuộc; toàn thể viên chức, người lao động và người học của Trường Đại học Nha Trang chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Đảng ủy (để b/c);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HĐT.

PM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
NHA TRANG
Khổng Trung Thắng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG



CHIẾN LƯỢC
PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG
ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045
(CẬP NHẬT NĂM 2024)

MỤC LỤC

PHẦN 1. CĂN CỨ XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC	3
PHẦN 2. NỘI DUNG CHIẾN LƯỢC	4
2.1. Sứ mệnh, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục, tầm nhìn và viễn cảnh đến năm 2045..	4
2.1.1. Sứ mệnh.....	4
2.1.2. Giá trị cốt lõi.....	4
2.1.3. Triết lý giáo dục	4
2.1.4. Tầm nhìn đến năm 2045.....	4
2.1.5. Viễn cảnh năm 2045.....	4
2.2. Mục tiêu phát triển đến năm 2025	4
2.2.1. Mục tiêu tổng quát	4
2.2.2. Các mục tiêu chiến lược, chỉ tiêu then chốt và giải pháp	4
2.3. Mục tiêu phát triển đến năm 2030	9
2.3.1. Mục tiêu tổng quát	9
2.3.2. Các mục tiêu chiến lược, chỉ tiêu then chốt và giải pháp	9
2.4. Mục tiêu phát triển đến năm 2035.....	15
2.4.1. Mục tiêu tổng quát	15
2.4.2. Các mục tiêu phát triển cụ thể đến năm 2035	15
PHẦN 3. CÁC NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN TRỌNG TÂM.....	16
PHẦN 4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	17

PHẦN 1. CĂN CỨ XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC

1. Luật Giáo dục năm 2019; Luật Giáo dục Đại học năm 2012; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học năm 2018;
2. Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018, Hội nghị lần thứ tám của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
3. Căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về Phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
4. Căn cứ Nghị quyết số 168/NQ-CP của Chính phủ về Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
5. Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012, Hội nghị lần thứ sáu của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;
6. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013, Hội nghị lần thứ tám của Ban chấp hành trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;
7. Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
8. Nghị định số 106/2020/NĐ-CP, ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;
9. Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;
10. Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ Quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;
11. Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;
12. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tình hình thực tế, và thực trạng phát triển lĩnh vực kinh tế biển của Trường Đại học Nha Trang;
13. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2020-2025 của Đảng bộ Trường Đại học Nha Trang;
14. Nghị quyết số 340/NQ-ĐHNT ngày 24/3/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;
15. Chiến lược phát triển đào tạo, khoa học công nghệ và chuyển giao tri thức của các ngành và địa phương;
16. Quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng và yêu cầu đặt ra của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đối với giáo dục.

PHẦN 2. NỘI DUNG CHIẾN LƯỢC

2.1. Sứ mệnh, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục, tầm nhìn và viễn cảnh đến năm 2045

2.1.1. Sứ mệnh

Nghiên cứu khoa học, đào tạo nhân lực trình độ cao và chuyển giao tri thức đa lĩnh vực, chú trọng phát huy thế mạnh lĩnh vực khoa học - công nghệ biển và thủy sản.

2.1.2. Giá trị cốt lõi

Tiên phong - Đoàn kết - Hội nhập - Năng động - Trách nhiệm

2.1.3. Triết lý giáo dục

Phát triển tính chuyên nghiệp, khả năng sáng tạo và ý thức trách nhiệm trong môi trường giáo dục hội nhập, gắn kết với thực tiễn nghề nghiệp và cộng đồng.

2.1.4. Tầm nhìn đến năm 2045

Đến năm 2045 là đại học có thứ hạng cao của Việt Nam; thuộc nhóm đầu các đại học ở Châu Á về một số ngành khoa học - công nghệ biển và thủy sản.

2.1.5. Viễn cảnh năm 2045

Quản trị - tổ chức: Là đại học gồm các viện, trường thành viên, trung tâm nghiên cứu và chuyển giao tri thức; có cơ cấu quản trị minh bạch và tinh gọn, tự chủ hoàn toàn; kiểm định và cải tiến liên tục theo các chuẩn mực quốc tế là cơ chế hoạt động chủ đạo trong quản trị Nhà trường.

Đội ngũ: Đội ngũ có trình độ cao, sáng tạo, năng lực hội nhập, chuyên nghiệp, trách nhiệm và tâm huyết với công việc.

Đào tạo và hoạt động chuyên môn: Là nơi trao quyền tự do học thuật, có môi trường học thuật, tích cực, sáng tạo tri thức mới; đào tạo nhân lực có năng lực sáng tạo, khởi nghiệp, hội nhập, tự học tập và nghiên cứu suốt đời.

Nghiên cứu khoa học, chuyển giao tri thức, hợp tác quốc tế và phục vụ cộng đồng: Xuất bản quốc tế, bản quyền sáng chế, chuyển giao tri thức và thương mại hóa các kết quả nghiên cứu có hàm lượng khoa học cao là động lực của sự phát triển, nổi bật về một số ngành khoa học - công nghệ biển và thủy sản; hoạt động hợp tác quốc tế sâu, rộng và hiệu quả; có trách nhiệm cao đối với cộng đồng và đóng góp cho sự thịnh vượng chung của địa phương, quốc gia và khu vực.

Thương hiệu và danh tiếng: Đáp ứng tốt nhất nhu cầu của người học và cán bộ viên chức; đáp ứng tốt các chuẩn nghiên cứu khoa học, đào tạo và chuyển giao tri thức ở tầm quốc gia, khu vực và quốc tế.

Tài chính, cơ sở vật chất và cảnh quan: Tự chủ bền vững về tài chính; cơ sở vật chất hiện đại và đồng bộ với một hệ sinh thái mở dựa trên nền tảng số, không gian xanh.

2.2. Mục tiêu phát triển đến năm 2025

2.2.1. Mục tiêu tổng quát

Trường Đại học Nha Trang là trường đại học đa lĩnh vực, nằm trong nhóm các trường dẫn đầu về lĩnh vực thủy sản của Việt Nam.

2.2.2. Các mục tiêu chiến lược, chỉ tiêu then chốt và giải pháp

Mục tiêu 1: Bộ máy quản lý tinh gọn và hiệu quả; các đơn vị thuộc và trực thuộc hoạt động theo cơ chế tự chủ và trách nhiệm giải trình.

Các chỉ tiêu then chốt:

- 100% khoa viện thuộc trường tự chủ một phần tài chính.

Giải pháp:

- Xây dựng đề án tự chủ Trường Đại học Nha Trang.
- Xây dựng đề án điều chỉnh, sắp xếp cơ cấu tổ chức bộ máy cấp đơn vị.
- Ban hành quy định tự chủ đến các đơn vị thuộc và trực thuộc, gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình.
- Thực hiện phân phối thu nhập và khen thưởng đảm bảo sự minh bạch và công bằng.
- Thực hiện công bằng và minh bạch trong đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, đánh giá và bổ nhiệm.

Mục tiêu 2: Tất cả các hoạt động quản lý của Nhà trường cơ bản được vận hành trên nền tảng công nghệ số.

Các chỉ tiêu then chốt:

- Hệ thống CNTT toàn diện, bảo mật và đồng bộ; 100% quy trình quản lý, phục vụ được số hóa, lưu trữ và chia sẻ thông tin; 100% hoạt động chính vận hành trên nền tảng số.
- 100% VCHC được bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ, sử dụng thuần thục các phần mềm ứng dụng công nghệ số trong hoạt động quản lý của Nhà trường.

Giải pháp:

- Đầu tư phát triển, nâng cấp hạ tầng thông tin, hệ thống tích hợp dữ liệu.
- Thực hiện chuyển đổi nền tảng số các hoạt động chính của Nhà trường.
- Tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghiệp vụ sử dụng và khai thác hiệu quả các phần mềm quản lý.

Mục tiêu 3: Chất lượng và quy mô đào tạo đáp ứng nhu cầu nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; đặc biệt trình độ sau đại học các ngành thủy sản đáp ứng tốt nhu cầu nhân lực của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và các địa phương.

Các chỉ tiêu then chốt:

- Trên 70% SV tốt nghiệp đúng hạn, 80% SV có việc làm đúng ngành nghề đào tạo sau một năm tốt nghiệp, giảm tỷ lệ SV bị buộc thôi học dưới 3%/năm, SV bị tạm dừng học tập dưới 5%.

- Quy mô tuyển sinh đại học tăng 2-3%/năm; đổi lĩnh vực khoa học - công nghệ biển và thủy sản, duy trì quy mô tối thiểu 25-30 SV/ngành, ít nhất 05 lớp cao học, mở thêm ít nhất 01 CTĐT bậc cao học.

- Mỗi Khoa/Viện đào tạo có ít nhất 01 CTĐT đạt chuẩn tiên tiến, chất lượng cao ở bậc đại học; có các chương trình đào tạo kết nối đại học và cao học gắn với các chương trình đào tạo tiên tiến - chất lượng cao bậc đại học, theo mô hình 3.5 (ĐH) + 1.5 (CH), 3.0 (ĐH) + 1.5 (CH), hoặc mô hình khác phù hợp.

Giải pháp:

- Gia tăng quy mô tuyển sinh dựa trên cơ sở nâng cao chất lượng đội ngũ; duy trì ổn định số lượng sinh viên theo học các ngành thông qua nâng cao chất lượng nguồn tuyển, hoạt động tư vấn tuyển sinh, cơ chế hỗ trợ và phục vụ chuyên nghiệp.

- Đa dạng các hình thức đào tạo và chương trình đào tạo dựa trên chính sách nhà nước, cơ sở vật chất nhà trường, các nguồn học liệu mở, thư viện số và công nghệ thông tin trong dạy và học; liên thông trong đào tạo, liên kết đào tạo trong nước và quốc tế.

- Phát triển các chương trình đào tạo tiên tiến - chất lượng cao, chương trình đào tạo mới; ưu tiên các ngành phục vụ cho phát triển công nghiệp phụ trợ, logistics, thương mại cảng biển, kinh tế số, khởi nghiệp, ứng dụng công nghệ cao và trí tuệ nhân tạo (AI).

- Phát triển các chương trình đào tạo cao học theo mô hình liên hợp từ đại học đến cao học; rút ngắn thời lượng các chương trình đào tạo cao học định hướng ứng dụng. Liên kết xây dựng chương trình đào tạo cao học với các cơ sở giáo dục đại học tại các địa phương có thế mạnh về khoa học - công nghệ biển và thủy sản.

- Cải tiến liên tục phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá; đa dạng và chuyên nghiệp hóa công tác tư vấn và hỗ trợ sinh viên.

- Thúc đẩy các hoạt động khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, hình thành không gian khởi nghiệp theo hướng gắn kết chặt chẽ với doanh nghiệp.

- Tạo lập mối quan hệ tốt với các trường trung học phổ thông trên địa bàn khu vực tuyển sinh thông qua các hoạt động kết nghĩa, hỗ trợ nghiên cứu, trải nghiệm môi trường đại học, tư vấn hướng nghiệp, giao lưu, tài trợ.

- Chuyên nghiệp hóa các hoạt động gắn kết và phục vụ cộng đồng.

Mục tiêu 4: Có năng lực tham gia giải quyết các vấn đề khoa học, công nghệ và thực tiễn của quốc gia; đặc biệt lĩnh vực khoa học - công nghệ biển và thủy sản đạt tầm khu vực Đông Nam Á.

Các chỉ tiêu then chốt:

- Đạt ít nhất 01 đề tài, bài báo, báo cáo khoa học/GV/năm; trong đó tăng ít nhất 10% số bài báo quốc tế uy tín, sáng chế, giải pháp hữu ích/năm.

- Triển khai ít nhất 3 đề tài/dự án hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học.

- Xuất bản/tái bản ít nhất 10 giáo trình, tài liệu giảng dạy mỗi năm thuộc lĩnh vực khoa học - công nghệ biển và thủy sản.

- Phần đầu đạt 3 - 5 hợp đồng chuyển giao công nghệ, nghiên cứu phát triển sản phẩm khoa học - công nghệ mới mang tính thương mại/năm; đến 2025, có 5 - 10 sản phẩm thương mại hóa, trong đó có ít nhất 02 sản phẩm mang thương hiệu Nhà trường.

Giải pháp:

- Gia tăng các đề tài, đề án nghiên cứu ứng dụng cấp quốc gia, tỉnh, thành phố, huyện, khu dự án, tiểu dự án, doanh nghiệp.

- Nâng cao vai trò của Viện/Trung tâm trong nghiên cứu xây dựng các quy trình, mô hình sản xuất, nghiên cứu thực nghiệm triển khai ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học... phục vụ chuyển giao khoa học công nghệ và thương mại hóa các sản phẩm.

- Hình thành các quy trình chuyển giao khoa học công nghệ; xác lập danh sách các

sản phẩm và công nghệ của Nhà trường để đầu tư; xây dựng và triển khai chương trình quảng bá sản phẩm nghiên cứu của Nhà trường.

- Hình thành các đối tác chiến lược, tập trung vào các dự án nghiên cứu và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trao đổi giảng viên và sinh viên, ưu tiên lĩnh vực khoa học - công nghệ biển và thủy sản.

Mục tiêu 5: Đội ngũ giảng viên đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn chức danh, đặc biệt là kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp; đội ngũ GS/PGS, đặc biệt trong lĩnh vực khoa học - công nghệ biển và thủy sản đạt tỷ lệ cao đáp ứng các điều kiện phát triển nghiên cứu khoa học, đào tạo và chuyển giao tri thức.

Các chỉ tiêu then chốt:

- 100 % giảng viên có đầy đủ các chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, chuyên môn, và kỹ năng nghề nghiệp.

- Tăng ít nhất 10 TS/năm, ít nhất 03 PGS, GS/năm, đạt 40% TS/GV, 20% PGS, GS/TS; trong đó số lượng GS, PGS, TS thuộc lĩnh vực khoa học - công nghệ biển và thủy sản chiếm 50%, có 3-5 GS/PGS/mỗi ngành.

- Đạt 20% GV có khả năng dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh; trên 30% GV có năng lực nghiên cứu khoa học phục vụ xuất bản quốc tế, đăng ký bản quyền sáng chế; có ít nhất 10 nhóm nghiên cứu chuyên sâu, mang tính liên ngành, đa lĩnh vực.

Giải pháp:

- Rà soát, đánh giá về số lượng và chất lượng đội ngũ CBVC hiện có; xây dựng và triển khai đề án vị trí việc làm, kế hoạch phát triển, đào tạo và bồi dưỡng CBVC hàng năm.

- Xây dựng đề án phát triển nhân lực theo hướng tăng nhanh tỉ lệ GS, PGS, TS và thu hút đội ngũ có trình độ sau TS, TS đào tạo ở nước ngoài.

- Xây dựng và đầu tư phát triển các nhóm nghiên cứu chuyên sâu, mang tính liên ngành, đa lĩnh vực, với hạt nhân là các chuyên gia uy tín trong và ngoài nước làm nền tảng.

Mục tiêu 6: Có cơ sở vật chất cơ bản hiện đại và đầy đủ để đáp ứng các yêu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao tri thức trên các lĩnh vực trọng điểm; có môi trường tốt cho cán bộ viên chức và sinh viên phát huy năng lực và hoàn thiện bản thân.

Các chỉ tiêu then chốt:

- Xây dựng, hoàn thiện một số phòng thí nghiệm phục vụ nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học - công nghệ biển và thủy sản đạt chuẩn.

- Các khu nhà hiện hữu của Trường được cải tạo và sử dụng hiệu quả.

- Hạ tầng công nghệ thông tin và học liệu đáp ứng được yêu cầu giảng dạy trực tuyến và các hoạt động vận hành trên nền tảng số.

Giải pháp:

- Quy hoạch, thiết kế cơ sở vật chất của Nhà trường.

- Lập dự án đầu tư công để cấp có thẩm quyền phê duyệt cấp kinh phí đầu tư.

- Tăng cường mối quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp để đầu tư phát triển cơ sở vật chất của Nhà trường phù hợp quy định của pháp luật.

Mục tiêu 7: Có tên trong các bảng xếp hạng trong nước và quốc tế; kiểm định các chương trình đào tạo theo chuẩn quốc gia và quốc tế trở thành hoạt động thường xuyên.

Các chỉ tiêu then chốt:

- Nhà trường đạt chuẩn kiểm định lần thứ ba .
- Thuộc nhóm 20 trường đầu theo bảng xếp hạng Webometrics trong hệ thống các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam; thuộc nhóm 30 cơ sở giáo dục đại học hàng đầu trong cả nước theo các chỉ số xếp hạng khác.
- 100% CTĐT hoàn thành tự đánh giá, trong đó có ít nhất 50% CTĐT Nhà trường đạt chuẩn quốc gia/AUN-QA; mỗi khoa/viện đào tạo có ít nhất 1 chương trình đào tạo đạt chuẩn kiểm định; 100% CTĐT ngành khoa học - công nghệ biển và thủy sản đạt chuẩn kiểm định quốc gia/AUN-QA.

Giải pháp:

- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá, kiểm định ngoài cho tất cả các chương trình đào tạo.
- Xây dựng kế hoạch tham gia các bảng xếp hạng đại học cần tham gia.

Mục tiêu 8: Hợp tác quốc tế sâu rộng, có một số đối tác chiến lược toàn diện trong lĩnh vực khoa học - công nghệ biển và thủy sản; các doanh nghiệp đối tác tham gia sâu vào hoạt động nghiên cứu khoa học, đào tạo và chuyển giao tri thức của Nhà trường; các hoạt động phục vụ cộng đồng mang tính chuyên nghiệp và trách nhiệm.

Các chỉ tiêu then chốt:

- Đến 2025, xây dựng được ít nhất 05 đối tác chiến lược bền vững; có 3 - 5 dự án quốc tế.
- Tỷ lệ sinh viên quốc tế (kể cả ngắn hạn và cấp văn bằng) đạt ít nhất 1% tổng số sinh viên; số giảng viên quốc tế đạt ít nhất 1% tổng số giảng viên.
- Các ngành đào tạo đều có sự tham gia của doanh nghiệp/tổ chức bên ngoài Trường tham gia vào quá trình giảng dạy.
- Liên kết với ít nhất 03 trường đại học khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên để đào tạo các ngành có nhu cầu đặc thù.

Giải pháp:

- Xây dựng đối tác chiến lược trong đào tạo và nghiên cứu khoa học.
- Tổ chức ngày hội hợp tác giữa Nhà trường và doanh nghiệp.
- Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, các tổ chức phi chính phủ, các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục chuyên nghiệp trong và ngoài nước.
- Thực hiện các hoạt động tư vấn, hỗ trợ cộng đồng, tập trung vào ngư dân ven biển miền Trung.

Mục tiêu 9: Có nguồn lực tài chính ổn định, đáp ứng yêu cầu hoạt động và phát triển Nhà trường; tỷ trọng nguồn lực tài chính xã hội hóa ngày càng tăng.

Các chỉ tiêu then chốt:

- Thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên.

- Đảm bảo an toàn tài chính ít nhất 03 năm; tăng nguồn thu từ các hoạt động của Nhà trường ít nhất 10%/năm; tăng thu nhập bình quân 10%/năm gắn với kết quả thực hiện KPIs của mỗi mỗi CBCV.

- Tỷ lệ nguồn tài chính huy động từ hoạt động xã hội hóa tăng 10%/năm.

Giải pháp:

- Xây dựng Đề án chuyển Nhà trường thành đơn vị sự nghiệp tự chủ chi thường xuyên.

- Xây dựng phương án phân phối thu nhập gắn với hiệu quả, kết quả công việc và hệ thống KPIs đơn vị, cá nhân.

- Xây dựng đề án học phí mới phù hợp với kiểm định chương trình đào tạo; phát triển các chương trình tiên tiến, chất lượng cao.

- Gia tăng các hoạt động đào tạo và bồi dưỡng cấp chứng chỉ, chứng nhận liên quan đến các hoạt động đánh giá năng lực ngoại ngữ, tin học, đào tạo từ xa, bồi dưỡng ngắn hạn.

- Mở rộng kết nối và kêu gọi tài trợ từ các hội cựu sinh viên, hiệp hội doanh nghiệp, doanh nhân, các tổ chức, các quỹ hỗ trợ, v.v... đối với các hoạt động thiện nguyện, phục vụ cộng đồng, cuộc thi trí tuệ, và các hoạt động khác sử dụng hình ảnh Nhà trường.

2.3. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

2.3.1. Mục tiêu tổng quát

Trường Đại học Nha Trang trở thành đại học đa lĩnh vực; thuộc nhóm đầu các đại học ở khu vực Đông Nam Á về một số ngành khoa học - công nghệ biển và thủy sản.

2.3.2. Các mục tiêu chiến lược, chỉ tiêu then chốt và giải pháp

Mục tiêu 1: Trở thành đại học với mô hình quản trị hiệu quả

Các chỉ tiêu then chốt:

- Có ít nhất 03 trường thành viên thuộc các lĩnh vực thủy sản; kỹ thuật và công nghệ; kinh tế, tài chính và kinh doanh; Thành lập thêm một số trường thuộc các lĩnh vực khoa học sức khỏe, sư phạm, v.v...khi có điều kiện.

- Có cơ chế vận hành để thực hiện hoạt động tự chủ đại học.

Giải pháp thực hiện:

- Xây dựng chính sách và hoàn thiện hệ thống văn bản triển khai cơ chế tự chủ nhóm 2.

- Thành lập và hoàn thiện cơ chế vận hành trường thành viên.

- Xây dựng cơ chế vận hành mô hình đại học.

- Phối hợp với các cơ sở giáo dục trong khu vực để thành lập thêm một số trường thuộc các lĩnh vực khoa học sức khỏe và sư phạm khi có điều kiện.

Mục tiêu 2: Hệ thống quản lý được vận hành trên nền tảng số.

Các chỉ tiêu then chốt:

- 100% quy trình được số hóa; ít nhất 15% tổng số học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến; đảm bảo các quyết định quản trị của Nhà trường dựa trên phân tích dữ liệu số.

- 100% viên chức hành chính đủ năng lực khai thác các ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong thực hiện công việc.

Giải pháp thực hiện:

- Rà soát và nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ và hiện đại, trang bị các điều kiện xây dựng học liệu điện tử (studio hoặc cabin thu).

- Tập huấn và tổ chức xây dựng học liệu điện tử, ban hành hướng dẫn và làm mẫu một số bài giảng sau đó triển khai các khoa/viện, mỗi khoa/viện có tối thiểu 15% học liệu điện tử được nghiệm thu đạt yêu cầu (ưu tiên các học phần dạy chung, cơ sở và tổng quát).

- Hoàn thiện và số hóa các quy trình, đẩy nhanh thời gian giải quyết các thủ tục hành chính.

- Xây dựng hệ thống quản lý thông tin tích hợp các mặt của Nhà trường.

- Triển khai các ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong phân tích dữ liệu và đưa ra quyết định dựa trên dữ liệu.

- Tổ chức các khóa đào tạo nâng cao năng lực sử dụng công nghệ số cho giảng viên, nhân viên và sinh viên, xây dựng đội ngũ chuyên gia CNTT để hỗ trợ và bảo trì hệ thống.

Mục tiêu 3: Có đội ngũ chuyên gia đủ năng lực tham gia vào việc hoạch định, phân biện và xây dựng chính sách ở quy mô quốc gia và khu vực Đông Nam Á, nhất là trong các lĩnh vực khoa học - công nghệ biển và thủy sản.

Các chỉ tiêu then chốt:

- 50% giảng viên có trình độ tiến sĩ; 25% tiến sĩ được bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư.

- 3% giảng viên, nhà khoa học giữ vai trò quan trọng trong các hội đồng khoa học, ủy ban, hiệp hội nghề nghiệp cấp quốc gia, quốc tế.

- Hàng năm có từ 2%-3% giảng viên tham gia dự án nghiên cứu quốc tế, ưu tiên lĩnh vực khoa học - công nghệ biển và thủy sản.

Giải pháp thực hiện:

- Rà soát, cập nhật và ban hành Quyết định quy hoạch đào tạo bồi dưỡng viên chức, người lao động giai đoạn 2024-2030.

- Điều chỉnh chế độ chính sách theo hướng gia tăng chi phí đào tạo bồi dưỡng đội ngũ giảng viên trình độ cao và chính sách thu hút giảng viên trình độ cao về trường công tác (bao gồm cả giảng viên là người nước ngoài).

- Rà soát quy chế và nguồn lực đầu tư các nhóm nghiên cứu mạnh; đầu tư cơ sở vật chất thiết bị hiện đại phục vụ nghiên cứu, thí nghiệm, thực hành.

- Tăng cường kết nối, ký kết hợp tác với các địa phương, các hiệp hội, doanh nghiệp trong và ngoài nước trong hợp tác nghiên cứu, ứng dụng kết quả nghiên cứu, chuyển giao kết quả nghiên cứu... từ đó khẳng định vị thế của các nhà khoa học trong việc tham gia hoạch định chính sách, phân biện chính sách, tư vấn chính sách cho quốc gia, địa phương, doanh nghiệp.

- Có kế hoạch chi tiết hàng năm với các đối tác, đối tác chiến lược của Trường để hiện thực hóa các cam kết đã ký, trong đó thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động trao đổi giảng viên và tổ chức các diễn đàn, hội thảo, hội nghị khoa học về khoa học - công nghệ biển và thủy sản.

Mục tiêu 4: Quy mô và chất lượng đào tạo đáp ứng tốt nhu cầu nhân lực khu vực

duyên hải Nam Trung bộ, Tây Nguyên và các địa phương khác; chất lượng nhân lực có trình độ sau đại học về một số ngành khoa học - công nghệ biển và thủy sản đáp ứng được nhu cầu ở khu vực Đông Nam Á.

Các chỉ tiêu then chốt:

- Quy mô đào tạo các trình độ đào tạo và loại hình đào tạo đạt ≥ 20.000 người học, đáp ứng tốt nhu cầu nhân lực xã hội. Tỷ lệ nhập học trung bình so với năng lực tối đa của tất cả trình độ và hình thức đào tạo đạt 70%; trong đó tỷ lệ sau đại học là 60%, trình độ đại học là 80%.

- Có tối thiểu 4 chương trình đào tạo đặc biệt mới; 4 chương trình đào tạo từ xa; phát triển tối thiểu 4 ngành mới, trong đó có ít nhất 1 ngành đào tạo liên quan đến khoa học sức khỏe.

- Tối thiểu 20% SV đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ được đánh giá bằng các chứng chỉ quốc tế.

- Trên 75% SV tốt nghiệp đúng hạn, 80% SV có việc làm phù hợp với trình độ chuyên môn được đào tạo đáp ứng tốt nhu cầu của xã hội, tự tạo việc làm hoặc học tiếp trình độ cao hơn trong thời gian 12 tháng sau khi tốt nghiệp; giảm tỷ lệ SV bị buộc thôi học dưới 3%/năm, SV tạm dừng học tập dưới 5%.

- Tối thiểu 80% SV đạt điểm rèn luyện đạt loại tốt trở lên.

Giải pháp thực hiện:

- Phát triển quy mô đào tạo và ngành nghề đào tạo dựa trên cơ sở đảm bảo chất lượng đào tạo các trình độ, loại hình đào tạo.

- Phát triển các ngành, chương trình đào tạo mới, ưu tiên các ngành phục vụ cho phát triển khoa học - công nghệ biển, logistic, kinh tế số, khởi nghiệp, khoa học sức khỏe, ứng dụng công nghệ cao và trí tuệ nhân tạo (AI).

- Phát triển các chương trình đào tạo đặc biệt, các chương trình liên kết quốc tế theo hướng ưu tiên phát triển trong lĩnh vực có nguồn tuyển sinh tốt. Phát triển các chương trình đào tạo từ xa đáp ứng nhu cầu khu vực. Xây dựng chương trình đào tạo theo hướng linh hoạt cho người học, có sự liên thông cao theo chiều ngang và dọc gắn kết với thực tiễn nghề nghiệp và cộng đồng.

- Cải tiến liên tục phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá theo hướng tăng cường ứng dụng công nghệ số; mở rộng các phương pháp giảng dạy, học tập theo hướng hiện đại, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học; đổi mới việc kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo gắn chặt với chuẩn đầu ra, trong đó chú trọng đào tạo chất lượng về ngoại ngữ, tin học và các kỹ năng mềm khác cho sinh viên; đa dạng và chuyên nghiệp hóa công tác tư vấn và hỗ trợ sinh viên.

- Phát triển nền tảng dạy và học trực tuyến hiện đại và toàn diện, đầy đủ các tính năng cần thiết; hệ thống học liệu số đáp ứng tốt cho các hoạt động đào tạo nói chung và đào tạo từ xa nói riêng.

- Thúc đẩy các hoạt động khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, hình thành không gian khởi nghiệp theo hướng gắn kết chặt chẽ với đơn vị sử dụng lao động; xây dựng môi trường quốc tế hóa trong hoạt động đào tạo trong đó chú trọng bậc sau đại học về một số chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực khoa học - công nghệ biển và thủy sản.

- Chuyên nghiệp hóa hoạt động tư vấn hướng nghiệp và quảng bá tuyển sinh, gắn kết

với phục vụ cộng đồng.

Mục tiêu 5: Có trong danh sách các bảng xếp hạng quốc tế, đạt thứ hạng cao trong các bảng xếp hạng các cơ sở giáo dục đại học trong nước; có hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong hoàn chỉnh và vận hành hiệu quả.

Các chỉ tiêu then chốt:

- Nhà trường có trong danh sách bảng xếp hạng quốc tế, thuộc top 15 trong bảng xếp hạng các cơ sở giáo dục đại học trong nước.

- Có từ 4-5 CTĐT thuộc lĩnh vực khoa học - công nghệ biển được kiểm định theo bộ tiêu chuẩn quốc tế.

- Nhà trường đạt chuẩn kiểm định chu kỳ thứ 4 (năm 2028).

Giải pháp thực hiện:

- Xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh và phát triển các trung tâm nghiên cứu chuyên sâu nhằm gia tăng công trình nghiên cứu, sản phẩm sở hữu trí tuệ, sáng chế và hoạt động chuyển giao công nghệ được công nhận.

- Đổi mới phương pháp giảng dạy, áp dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong giảng dạy, kiểm tra đánh giá, cung cấp dịch vụ hỗ trợ học tập đa dạng phù hợp cho sinh viên. Áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, tiên tiến như học tập dựa trên dự án, học tập kết hợp (blended learning) và học tập qua trải nghiệm.

- Tăng cường cơ sở vật chất, cung cấp dịch vụ hỗ trợ toàn diện, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp và thân thiện.

- Xây dựng chiến lược và chính sách phát triển Nhà trường dựa trên 17 mục tiêu phát triển bền vững, xác định rõ mục tiêu và lộ trình phát triển của trường, đảm bảo tính liên tục và nhất quán trong lựa chọn mục tiêu lợi thế theo đuổi tham gia xếp hạng quốc tế.

- Thực hiện tốt các hoạt động cải tiến của các CTĐT và CSGD sau kiểm định theo kế hoạch.

Mục tiêu 6: Có vai trò quan trọng trong việc nhận diện và giải quyết các vấn đề thực tiễn về khoa học công nghệ, đào tạo và chuyển giao tri thức của quốc gia và khu vực Đông Nam Á trong lĩnh vực khoa học - công nghệ biển và thủy sản.

Các chỉ tiêu then chốt:

- Tỷ trọng thu từ các hoạt động khoa học và công nghệ trên tổng thu của Nhà trường $\geq 5\%$.

- Tổng số công bố khoa học và công trình ứng dụng khoa học, công nghệ của Nhà trường được ghi nhận trong năm trên số giảng viên toàn thời gian $\geq 1,0$.

- Tổng số công bố khoa học của Nhà trường trong năm thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus trên số giảng viên toàn thời gian $\geq 0,5$, trong đó ít nhất 50% thuộc lĩnh vực khoa học - công nghệ biển và thủy sản.

- Hằng năm đạt ít nhất 5 hợp đồng chuyển giao công nghệ và dịch vụ khoa học công nghệ.

- Hằng năm $> 10\%$ giảng viên, nhà khoa học thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ biển và thủy sản tham gia giải quyết các vấn đề thực tiễn.

Giải pháp thực hiện:

- Tăng số lượng đề tài/dự án nghiên cứu cấp quốc gia, tỉnh; đề tài/dự án hợp tác nghiên cứu với doanh nghiệp; hợp đồng chuyển giao công nghệ và dịch vụ khoa học công nghệ

- Điều chỉnh chế độ, chính sách theo hướng gia tăng hỗ trợ kinh phí công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học trong nước (thuộc danh mục tạp chí khoa học được Hội đồng Giáo sư nhà nước tính điểm) và tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục Web of Science, Scopus.

- Tăng cường kết nối, ký kết hợp tác với các Bộ, Ngành, địa phương, các hiệp hội, doanh nghiệp trong và ngoài nước trong hợp tác nghiên cứu, ứng dụng kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và dịch vụ khoa học công nghệ (ưu tiên lĩnh vực khoa học - công nghệ biển và thủy sản).

Mục tiêu 7: Hợp tác quốc tế sâu rộng, có các đối tác quốc tế chiến lược trong lĩnh vực khoa học - công nghệ biển và thủy sản; có mạng lưới liên kết đa dạng và bền vững với các tổ chức, doanh nghiệp phục vụ nghiên cứu khoa học, đào tạo, chuyển giao tri thức và phục vụ cộng đồng.

Các chỉ tiêu then chốt:

- Có 3 đối tác chiến lược mới.
- Có ít nhất 3 dự án quốc tế mới/năm về đào tạo, nâng cao năng lực; 100% khoa/viện tham gia đấu thầu các đề tài, dự án quốc tế.
- Hằng năm triển khai ít nhất 5 đề tài/dự án hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học, trong đó trên 50% thuộc lĩnh vực khoa học - công nghệ biển và thủy sản.
- Có tối thiểu 3 chương trình đào tạo liên kết quốc tế, trong đó có chương trình thuộc lĩnh vực khoa học - công nghệ biển.
- Tỷ lệ trao đổi sinh viên quốc tế mỗi chiều (dài hạn và ngắn hạn) đạt $\geq 1,5\%$ tổng số sinh viên của Trường.
- Tỷ lệ giảng viên quốc tế đến (giảng dạy, trao đổi) đạt $\geq 1,5\%$; tỷ lệ giảng viên của Trường đi nước ngoài (giảng dạy, hội thảo, trao đổi) đạt $\geq 10\%$ tổng số giảng viên.
- 100% khoa, viện có hoạt động hợp tác với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong nghiên cứu khoa học, đào tạo, chuyển giao tri thức và phục vụ cộng đồng.

Giải pháp thực hiện:

- Ký kết và triển khai tổng thể các hoạt động hợp tác với các đối tác chiến lược; tập trung xây dựng một số đề tài, dự án hợp tác quốc tế để giải quyết các vấn đề về khoa học - công nghệ biển, thủy sản của khu vực và quốc tế.
- Tập trung phát triển các chương trình đào tạo bằng tiếng Anh có sự tham gia giảng dạy của chuyên gia quốc tế; xây dựng và triển khai các chương trình liên kết đào tạo quốc tế (3+1, 2+2).
- Đa dạng hóa các phương thức trao đổi giảng viên, sinh viên và các chương trình, chính sách thu hút giảng viên, sinh viên quốc tế.
- Tăng cường cơ sở vật chất phục vụ các hoạt động hợp tác quốc tế và năng lực đội ngũ phụ trách phát triển đề tài, dự án quốc tế.
- Xây dựng cơ chế, thực hiện phân cấp, phân quyền hợp lý để phát huy tính chủ động trong triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế tại các đơn vị.

Mục tiêu 8: Có cơ sở vật chất hiện đại, hệ thống thông tin và học liệu đáp ứng yêu cầu bảo đảm chất lượng giảng dạy, học tập, nghiên cứu và chuyển giao tri thức trên các lĩnh vực kinh tế biển và thủy sản; có môi trường tốt cho cán bộ viên chức, người lao động và người học phát huy năng lực của mình trong phát triển và hoàn thiện bản thân.

Các chỉ tiêu then chốt:

- Đạt diện tích đất/người học chính quy quy đổi $\geq 25 \text{ m}^2$; diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo/người học chính quy quy đổi $\geq 2,8 \text{ m}^2$; ít nhất 70% giảng viên toàn thời gian được bố trí chỗ làm việc riêng biệt.

- 100% phòng học tại các giảng đường đạt chuẩn.

- Hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ, hiện đại; dung lượng đường truyền Internet trên một nghìn người học không thấp hơn trung bình tốc độ mạng băng rộng cố định của Việt Nam.

- Số đầu sách giáo trình, sách chuyên khảo/ngành đào tạo ở mỗi trình độ đào tạo ≥ 40 ; số bản sách giáo trình, sách chuyên khảo/người học quy đổi theo trình độ đào tạo ≥ 5 .

- Có cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu được phân khu cho các trường thành viên.

- Trường đạt các tiêu chí của trường đại học xanh.

Giải pháp thực hiện:

- Lập quy hoạch phát triển tổng thể Nhà trường đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045.

- Xây dựng Đề án đầu tư và nâng cao chất lượng hoạt động của Trường Đại học Nha Trang để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Xây dựng và triển khai Kế hoạch phát triển cơ sở vật chất của Nhà trường đến năm 2030.

- Hoàn thiện hạ tầng CNTT, hạ tầng internet băng thông rộng, nâng cấp hệ thống wifi; đầu tư các phòng học trực tuyến, phòng học thông minh đa phương tiện để hỗ trợ ứng dụng CNTT cho giảng dạy, học tập, nghiên cứu và chuyển giao tri thức.

- rà soát hệ thống học liệu, đầu tư mua sắm, tổ chức biên soạn sách giáo trình, sách chuyên khảo đáp ứng yêu cầu.

- Tăng cường mối quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp để đầu tư phát triển cơ sở vật chất của Nhà trường phù hợp quy định của pháp luật.

Mục tiêu 9: Có nguồn lực tài chính ổn định, đáp ứng yêu cầu hoạt động và phát triển Nhà trường; tỷ trọng nguồn lực tài chính xã hội hóa ngày càng tăng.

Các chỉ tiêu then chốt:

- Biên độ hoạt động trung bình của Nhà trường và các đơn vị tự hạch toán giai đoạn 2026-2030 đạt $\geq 15\%$; hằng năm bảo đảm ổn định các quỹ khen thưởng, phúc lợi và bổ sung thu nhập.

- Chỉ số tăng trưởng bền vững của Nhà trường và các đơn vị tự hạch toán $\geq 10\%/năm$; nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp, cung cấp dịch vụ chiếm $\geq 85\%$.

- Đảm bảo tự chủ 100% chi thường xuyên; tỷ lệ chi con người tăng bình quân $\geq 5\%/năm$.

Giải pháp thực hiện:

- Xây dựng và triển khai Đề án tự chủ toàn diện để chuyển Nhà trường thành đơn vị sự nghiệp tự chủ cả chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển.

- Nâng cao hiệu quả quản lý tài chính dựa trên cơ chế đóng góp và phân bổ nguồn lực hợp lý đối với các đơn vị thuộc, trực thuộc trường; phân phối thu nhập gắn với hiệu quả, kết quả công việc và hệ thống KPIs đơn vị, cá nhân, và dựa trên xây dựng nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao.

- Gia tăng mức thu học phí dựa trên chất lượng đào tạo, định mức kinh tế kỹ thuật và kiểm định chương trình đào tạo; phát triển các chương trình đào tạo mới, tiên tiến, chất lượng cao và các chương trình liên kết quốc tế; đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cấp chứng chỉ, chứng nhận liên quan đến năng lực ngoại ngữ, tin học, đào tạo từ xa, bồi dưỡng ngắn hạn.

- Hình thành và phát triển nguồn thu từ các hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyên giao công nghệ, tạo ra các sản phẩm và dịch vụ có tính thương mại cao, khai thác các dự án nghiên cứu được tài trợ bởi các quỹ nghiên cứu trong và ngoài nước.

- Tăng cường hợp tác quốc tế để khai thác các nguồn tài trợ và hỗ trợ từ các tổ chức giáo dục, quỹ nghiên cứu và các chương trình hợp tác quốc tế; Thúc đẩy hợp tác với doanh nghiệp trong các dự án nghiên cứu và phát triển, đào tạo và thực tập sinh viên, các chương trình đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp.

- Đa dạng hóa nguồn thu và phát triển bền vững các dịch vụ và sản phẩm của Nhà trường như dịch vụ tư vấn, nghiên cứu chuyển giao công nghệ, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, và các dịch vụ khác.

- Xây dựng quỹ hỗ trợ phát triển NTU dựa trên mở rộng kết nối với các doanh nghiệp, tổ chức, hội cựu sinh viên để kêu gọi tài trợ cho các hoạt động thiện nguyện, phục vụ cộng đồng, cuộc thi trí tuệ và các hoạt động khác sử dụng thương hiệu, hình ảnh Nhà trường.

2.4. Mục tiêu phát triển đến năm 2035

2.4.1. Mục tiêu tổng quát

Đại học Nha Trang là đại học đa lĩnh vực, có uy tín và tầm ảnh hưởng cao ở vùng duyên hải Trung bộ và Tây Nguyên; thuộc nhóm đầu các đại học ở khu vực Đông Nam Á về một số ngành kinh tế biển và thủy sản.

2.4.2. Các mục tiêu phát triển cụ thể đến năm 2035

Mục tiêu 1: Trở thành đại học tự chủ toàn diện dựa trên sự liên kết chặt chẽ và gia tăng mức độ tự chủ của các viện, trường thành viên, trung tâm nghiên cứu và chuyển giao tri thức, với sự tham gia của các đối tác hàng đầu trong và ngoài nước.

Mục tiêu 2: Có hệ thống quản trị thông minh và toàn diện trên nền tảng số, trí tuệ nhân tạo.

Mục tiêu 3: Đội ngũ chuyên gia có tầm ảnh hưởng quốc tế, tham gia vào các tổ chức, hội nghị và dự án nghiên cứu quốc tế, góp phần xây dựng chính sách và chiến lược ở khu vực Đông Nam Á, nhất là trong lĩnh vực kinh tế biển và thủy sản.

Mục tiêu 4: Chất lượng đào tạo đáp ứng tốt nhu cầu nhân lực vùng Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước, trong đó chất lượng nhân lực một số ngành đáp ứng nhu cầu ở

khu vực Đông Nam Á và quốc tế; nguồn nhân lực có khả năng tự học, tự nghiên cứu, khởi nghiệp và hội nhập toàn cầu.

Mục tiêu 5: Nằm trong danh sách các bảng xếp hạng quốc tế; thuộc nhóm đầu các đại học ở khu vực Đông Nam Á về một số ngành kinh tế biển và thủy sản; đạt thứ hạng cao trong các bảng xếp hạng các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam; có hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong hoàn chỉnh và vận hành hiệu quả.

Mục tiêu 6: Trở thành trung tâm nghiên cứu, tư vấn và giải quyết các vấn đề thực tiễn về khoa học công nghệ, đào tạo và chuyển giao tri thức trong lĩnh vực kinh tế biển và thủy sản của quốc gia và khu vực Đông Nam Á.

Mục tiêu 7: Hợp tác quốc tế sâu rộng, có các đối tác quốc tế chiến lược trong lĩnh vực kinh tế biển và thủy sản; có mạng lưới liên kết đa dạng và bền vững với các doanh nghiệp phục vụ nghiên cứu khoa học, đào tạo và chuyển giao tri thức; có các dự án nghiên cứu và chương trình đào tạo liên quốc gia; quốc tế hóa sâu rộng các hoạt động của Nhà trường

Mục tiêu 8: Có cơ sở vật chất hiện đại, đồng bộ với hệ sinh thái mở dựa trên nền tảng số và không gian xanh; đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn quốc gia của một đại học, và vượt trội trên các tiêu chuẩn trọng điểm phục vụ nghiên cứu khoa học, đào tạo và chuyển giao tri thức trên các lĩnh vực kinh tế biển và thủy sản.

Mục tiêu 9: Phát triển bền vững nguồn tài chính, đáp ứng yêu cầu hoạt động và phát triển Nhà trường; tỷ trọng nguồn lực tài chính xã hội hóa ngày càng tăng.

PHẦN 3. CÁC NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN TRỌNG TÂM

3.1. Công tác quản trị Nhà trường

3.1.1. Xây dựng Đề án tự chủ Trường Đại học Nha Trang.

3.1.2. Xây dựng Đề án tinh gọn đầu mối đơn vị.

3.2. Công tác quản trị nguồn nhân lực

3.2.1. Xây dựng Đề án vị trí việc làm.

3.2.2. Xây dựng Đề án ứng dụng OKR/KPIs.

3.3.3. Xây dựng Đề án phát triển đội ngũ viên chức giai đoạn 2021-2025.

3.3. Công tác khoa học, công nghệ và hợp tác đối ngoại

Xây dựng kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế giai đoạn 2021-2025.

3.4. Công tác đào tạo và kiểm định chất lượng

3.4.1. Phát triển các chương trình đào tạo tiên tiến - chất lượng cao, các chương trình đào tạo sau đại học.

3.4.2. Xây dựng kế hoạch phát triển kiểm định chất lượng và tham gia xếp hạng đại học giai đoạn 2021-2025.

3.5. Công tác quản trị thương hiệu và danh tiếng Nhà trường

3.5.1. Xây dựng đề án quản trị và nâng cấp thương hiệu Trường Đại học Nha Trang.

3.6. Công tác quản trị tài chính và cơ sở vật chất

3.6.1. Xây dựng đề án phát triển, nâng cấp và chuyển đổi nền tảng số Trường Đại học Nha Trang.

3.6.2. Xây dựng chiến lược phát triển cơ sở vật chất giai đoạn 2026-2030.

3.6.3 Xây dựng Kế hoạch tài chính và đầu tư trung hạn giai đoạn 2026-2030 để thực hiện mục tiêu từng giai đoạn.

PHẦN 4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hội đồng trường đẩy mạnh hoạt động quản trị Nhà trường, ưu tiên tập trung nguồn lực và ban hành các Nghị quyết trực tiếp phục vụ triển khai thực hiện Chiến lược; tăng cường sự giám sát của Hội đồng trường trong việc triển khai thực hiện chiến lược.

2. Hiệu trưởng tổ chức xây dựng kế hoạch hoạt động chi tiết từng năm bám sát các định hướng chiến lược, mục tiêu, giải pháp để hình thành các dự án, đề án, các hoạt động, phân bổ các nguồn lực cần thiết, xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát, chịu trách nhiệm chung về việc triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Nhà trường đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

3. Hiệu trưởng phân công và giao nhiệm vụ trực tiếp cho một đơn vị chức năng hoặc Ban quản trị chiến lược chịu trách nhiệm thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai tổ chức thực hiện chiến lược và định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Hiệu trưởng theo lộ trình nhiệm vụ cụ thể từng kỳ, năm, giữa kỳ và cuối kỳ.

4. Các phòng ban chức năng phối hợp với các khoa/viện/trung tâm liên quan chịu trách nhiệm tham mưu, thực hiện xây dựng kế hoạch hành động, xác định rõ các nhiệm vụ cấp bách, nhiệm vụ thường xuyên, xây dựng lộ trình chi tiết, huy động nguồn nhân lực, xác định yêu cầu về đầu tư, phân công cụ thể, xây dựng cơ chế điều phối liên ngành, liên đơn vị, bộ phận liên quan đến các lĩnh vực.

5. Tổ chức tuyên truyền phổ biến Chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến năm 2045 đến toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động, sinh viên và các bên liên quan.

6. Trong trường hợp cần thiết, có thể điều chỉnh mục tiêu phù hợp với yêu cầu phát triển, bổ sung các giải pháp để đạt mục tiêu được thiết lập, được điều chỉnh, bổ sung (nếu có).

Khánh Hòa, ngày 29 tháng 11 năm 2024

TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
NHA TRANG

Khổng Trung Thắng